

TƯ DUY HUYỀN THOẠI HÓA CỔ MẪU NƯỚC VÀ LỬA TRONG MỘT SỐ TIỂU THUYẾT VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

NGUYỄN THỊ ÁI THOA

*Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Phú Yên
Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế*

Email: thoanguyenpy@yahoo.com.vn

Tóm tắt: Đối với văn xuôi, tiểu thuyết được xem thể loại chủ đạo, có ưu thế trong việc phản ánh những vấn đề cơ bản của đời sống xã hội và số phận con người. Nằm trong dòng chảy của văn xuôi Việt Nam đương đại, tiểu thuyết từ sau 1986 đảm đương sứ mệnh quan trọng là đổi mới tư duy thể loại. Tiếp nhận từ lý thuyết phân tâm học của C. Jung, các nhà văn đã sử dụng cổ mẫu như một phương tiện nghệ thuật hữu hiệu để giúp cho người đọc tiếp cận hiện thực thêm phần sinh động và mới mẻ. Đặc biệt, thông qua tư duy huyền thoại hóa, các cổ mẫu hiện diện như những hình tượng nhân vật, những ký hiệu nghệ thuật đa nghĩa. Ở bài viết này, chúng tôi nghiên cứu tư duy huyền thoại hóa qua cổ mẫu nước và lửa trong một số tác phẩm tiểu thuyết Việt Nam từ sau 1986.

Từ khóa: Tư duy huyền thoại hóa, tiểu thuyết Việt Nam, cổ mẫu, nước, lửa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuật ngữ cổ mẫu (archetype) xuất phát từ ngành phân tâm học, cụ thể hơn là ngành tâm lý học phân tích do C.Jung – nhà tâm lý học người Thụy Sĩ khởi xướng. Theo C.Jung, về nguồn gốc xuất phát, cổ mẫu thoát thai từ vô thức tập thể - “nơi tàng trữ cô đọng lại những kinh nghiệm của cả loài người” [4, tr.95], xuất hiện từ thời kỳ hồng hoang của nhân loại. Về nội dung, cổ mẫu là “bản tổng kết đã được công thức hóa của khối kinh nghiệm điển hình to lớn của vô số các thế hệ tổ tiên, đó có thể nói là vết tích tâm lý của vô số cảm xúc cùng một kiểu” [9, tr.70], có giá trị bền vững, phổ quát. Theo C.Jung, “nguyên mẫu (cách gọi khác của cổ mẫu) hiện diện trong tất cả những truyện thần thoại, cổ tích và những sản phẩm tưởng tượng của con người” [5, tr.104].

Dựa vào quan điểm của C.Jung, một số từ điển đã đưa ra định nghĩa về cổ mẫu như sau:

Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới giải thích: “Các mẫu gốc giống như những nguyên mẫu của các tập thể biểu tượng ăn sâu trong vô thức đến nỗi chúng trở thành như một cấu trúc...” [1, tr.XXI].

Từ điển văn học định nghĩa: “Cổ mẫu là khái niệm dùng để chỉ những mẫu của các biểu tượng, các cấu trúc tinh thần bẩm sinh, trong tưởng tượng của con người, chứa đựng trong vô thức tập thể của cộng đồng nhân loại” [7, tr.972].

Nói về mối quan hệ giữa cổ mẫu, huyền thoại và văn học, nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Thanh Xuân cho rằng: “Có mặt trong huyền thoại rồi tái sinh, hóa thân trong các tác

phẩm văn học thành văn nhiều thế kỷ, cho đến nay, cổ mẫu đã có một hành trình rất dài cùng nhân loại” [8, tr.281] và “Những điều C.G. Jung xác lập cho phép ta nghĩ rằng nền văn học của một dân tộc nào cũng dung chứa trong lòng nó ít nhiều cổ mẫu. Văn học Việt Nam không là ngoại lệ, thậm chí ở đây có thể còn nguyên một kho tàng cổ mẫu quý giá mà giới nghiên cứu chưa chạm đến bao nhiêu” [8, tr.284].

Theo quan điểm của chúng tôi, trong *kho tàng cổ mẫu quý giá*, nước và lửa là những cổ mẫu tiêu biểu. Bởi lẽ, ngay từ thời nguyên thủy, đây là những cổ mẫu vốn tồn tại trong tâm thức của nhân loại. Về ý nghĩa biểu trưng, các cổ mẫu trên chứa đựng những ý nghĩa phổ quát, không giới hạn trong một dân tộc, một quốc gia và nó biểu hiện cho vô thức của cộng đồng, vô thức tập thể. Đặc biệt, trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại, các cổ mẫu trên được các nhà văn sử dụng để miêu tả, khắc họa đời sống nội tâm cũng như đời sống tâm linh của con người. Từ đó, trong tác phẩm, các cổ mẫu hiện diện như những hình tượng nhân vật, qua đó thể hiện quan niệm, tư tưởng cũng như nhận thức của tác giả về hiện thực và con người.

2. CỔ MẪU NƯỚC VÀ LỬA – NHÌN TỪ TƯ DUY HUYỀN THOẠI HÓA

Trong các thể loại văn xuôi, tiểu thuyết vẫn là thể loại chủ đạo, có ưu thế trong việc phản ánh những vấn đề cơ bản của đời sống xã hội và số phận con người. Nằm trong dòng chảy của văn xuôi Việt Nam đương đại, tiểu thuyết từ 1986 đảm đương sứ mệnh quan trọng là đổi mới tư duy thể loại. Cụ thể, tiểu thuyết hướng tới những thay đổi trong tư duy nghệ thuật về con người và trong phương thức thể hiện. Trong quan niệm nghệ thuật về con người, tiểu thuyết thời kỳ đổi mới đã có sự dịch chuyển từ quan niệm con người sử thi sang quan niệm con người thế sự, đời tư. Nhà văn lấy con người làm điểm quy chiếu lịch sử với mong muốn nắm bắt những chân lý phổ quát về con người. Chịu sự chi phối của quy luật thời bình, con người trong tiểu thuyết tồn tại như một nhân vị độc lập, đó là kiểu con người phức tạp, con người lưỡng diện, con người không trùng khít với chính mình như trong *Thời xa vắng* của Lê Lựu, *Bến không chồng* của Dương Hương, *Ấn mào dĩ vãng* của Chu Lai, *Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường. Đặc biệt, một trong những đổi mới quan trọng của tiểu thuyết giai đoạn này là các nhà văn đã sử dụng phương thức huyền thoại hóa trong sáng tác. Có thể kể ra đây những tên tuổi tiêu biểu như Khôi Vũ, Phạm Ngọc Tiến, Phạm Thị Hoài, Võ Thị Hảo, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương... Tiểu thuyết *Lời nguyện hai trăm năm* của Khôi Vũ đã sử dụng motif lời nguyện để đặt các nhân vật trước sự lựa chọn: thiện/ác, tốt/xấu, tình yêu/thù hận trong khoảng thời gian năm thế hệ của một dòng họ (hai trăm năm) và để cho nhân vật chính (Hai Thìn) hóa giải, dẫu phải đánh đổi bằng cả mạng sống của bản thân. Tác giả thông qua tư duy huyền thoại hóa kết hợp với thủ pháp đồng hiện để hoà trộn những bức xúc, những xô xát quyết liệt của đời sống hôm nay với cái mờ ảo, huyền bí của lịch sử hai trăm năm trước thành một dòng chảy không ngừng. Ngoài ra, hàng loạt các tác phẩm khác như *Tàn đẹn đốm đỏ* của Phạm Ngọc Tiến, *Thiên sứ* của Phạm Thị Hoài, *Giàn thiêu* của Võ Thị Hảo, *Đức Phật, nàng Savitri và Tôi*, *Trong sương hồng hiện ra* của Hồ Anh Thái, *Bả giời*, *Vào cõi*, *Những đứa trẻ chết già*, *Thoạt kỳ thủy* của Nguyễn Bình Phương, *Mẫu Thượng Ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh là

những tác phẩm tiêu biểu sử dụng kiểu tư duy này. Bằng việc đổi mới kỹ thuật viết và lựa chọn cho tác phẩm một phương thức thể hiện thích hợp, các nhà văn đã đem đến cho người đọc nhiều cảm xúc mới mẻ về một hiện thực nghiệt ngã qua những huyền thoại giàu tính biểu tượng. Đặc biệt, các nhà văn đã sử dụng các cổ mẫu như phương tiện nghệ thuật hữu hiệu để giúp cho người đọc tiếp cận hiện thực một cách sinh động hơn. Trong nhiều tác phẩm, thông qua tư duy huyền thoại hóa, người viết đã tạo ra những hình tượng mang tính ẩn dụ. Những hình tượng ấy hiện hữu như các ký hiệu nghệ thuật đa nghĩa và mang giá trị tượng trưng cao. Theo đó, người đọc nhận ra tính chất đa chiều, đa diện của bản chất cuộc sống. Ở bài viết này, chúng tôi nghiên cứu tư duy huyền thoại hóa qua hệ hình tượng cổ mẫu nước và lửa trong một số tác phẩm tiêu thuyết Việt Nam đương đại tiêu biểu từ sau 1986.

2.1. Cổ mẫu nước – nguồn sống, thanh tẩy và tái sinh

Từ xa xưa, nước đã hiện hữu trong đời sống vật chất và đời sống tinh thần của con người, đồng thời gắn liền với lịch sử phát triển của nhiều quốc gia, nhiều dân tộc. Thời cổ đại, bốn nền văn minh lớn trên thế giới đều bắt nguồn từ những con sông như văn minh Lưỡng Hà (sông Euphrates và sông Tigris), văn minh Ai Cập (sông Nin), văn minh Ấn Độ (sông Ấn), văn minh Hoàng Hà (sông Hoàng Hà). Điều đó cho thấy, khởi nguyên, nước là nguồn tài nguyên nuôi sống con người, là lựa chọn đầu tiên để con người an cư, lạc nghiệp. Nơi nào có nước, nơi đó có sự sống. Bởi, nước là “thứ trời cho, nên xét về mặt thể chất, nước được coi là một biểu tượng phổ biến về sự phì nhiêu và khả năng sinh sản dồi dào” [1, tr.709].

Theo thời gian, nước trở thành nguồn cảm hứng của nghệ thuật, của văn chương và dung chứa nhiều ý nghĩa. Trong thần thoại Hy Lạp, nước được hình tượng hóa qua vị thần biển cả Poseidon, tay cầm cây đinh ba đầy quyền lực, có thể tạo ra động đất và sóng thần. Thần thoại người Việt thì cho rằng, thần biển là một con rồng khổng lồ nằm giữa biển khơi, nhịp thở của thần biển tạo lên nhịp lên xuống của thủy triều. Đặc biệt, người Việt còn quan niệm, thủy tổ của họ chính là Lạc Long Quân, vốn là vị thần sống dưới thủy cung (*Con rồng cháu tiên*). Cõi nước luôn chứa đựng trong nó sự huyền bí nên con người luôn khoác lên nó chiếc áo hư ảo và nhiệm màu. Biển thì có Long Vương, sông thì có thần sông, giếng thì có hà bá cai quản. Nước vừa là người bạn hiền hòa, sâu nặng nghĩa tình như tấm lòng thái tử thủy tề đối đãi với Thạch Sanh trong truyện cổ tích *Thạch Sanh* nhưng đồng thời cũng gieo rắc bao thiên tai, địch họa như việc Thủy Tinh hằng năm dâng nước gây lũ lụt để đánh Sơn Tinh trong thần thoại *Sơn Tinh, Thủy Tinh*. ...Tự ngàn xưa, nước hiện diện trong đời sống văn chương Việt Nam từ những câu chuyện rất đời thân quen như thế. Theo nhận định của nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Thanh Xuân trong công trình *Huyền thoại và văn học* thì: “Vốn bao la, và đa dạng, Đất và Nước mang trong lòng nó những hình thái khác nhau: núi non, hang vực, gò, đồng, rừng, vườn...; biển, sông ngòi, hồ, đầm, suối, mưa, sương... và mỗi hình thái này đến lượt nó, lại có khả năng trở thành những biểu tượng và cổ mẫu văn chương mới. Những cổ mẫu con này vừa dung chứa những nét chung của cổ mẫu mẹ Đất, mẹ Nước – đặc biệt là tính cố định, luân chuyển và tính sinh sôi – vừa hình thành những nét

riêng” [8, tr.286]. Đó cũng là những đặc điểm của cỏ mẫu nước trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

Trong *Giàn thiêu* của Võ Thị Hảo, nước là một hình tượng xuất hiện xuyên suốt và đầy ám ảnh. Đặc biệt, nước ở đây không hoàn toàn mang ý nghĩa mềm mại, nữ tính trong thế đối lập với lửa mà nước thể hiện năng lực biểu đạt đa dạng hơn nhiều. Nước tưới mát tâm hồn, làm con người trở nên mạnh mẽ, cuồng nhiệt và đầy sức sống. Dòng sông Nhuệ, sông Gâm, sông Tô được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, tái hiện nhiều lần trong ký ức của Từ Lộ, Huệ Anh như chứng nhân của kỷ niệm, và hơn hết là hồi tưởng về những phút giây thăng hoa trong tình yêu. Bên dòng sông Gâm, họ đã để cho dòng nước xoa dịu nỗi hận thù và tận hưởng trọn vẹn niềm hạnh phúc. Nhưng xuyên suốt hơn cả là sự hiện hữu của những cơn mưa. Mưa đầy mơ mộng và mon trón những đam mê. Mưa đổ, mưa rơi một cách hân hoan để bắt đầu cuộc ái ân của Huệ Anh và Từ Lộ. Trong hạnh phúc, Huệ Anh cảm nhận mưa không hề tê buốt mà êm ái và ấm nồng: “Huệ Anh không hề thấy cái rét buốt của những giọt mưa đã làm da thịt nàng tê cóng thâm tái...Mà ngược lại, những giọt mưa dội xuống thân thể lúc này lại dịu dàng êm ái, mỗi giọt mưa chạm xuống như mang theo một hơi thở nồng nàn sưởi ấm cơ thể nàng”. Ở khúc “Lãnh tiểu nhân gian”, mưa đem lại sự tẩy sạch và tái sinh. Bài hát cầu mưa của Huệ Anh vang lên cùng với những tiếng gọi thiết tha: “Mưa ơi! Mưa ” đã được mưa lắng nghe và đáp lại. Các trang viết của Võ Thị Hảo từ trang 495 đến trang 500 ngập tràn trong những cơn mưa. Mưa tưới mát các dòng sông khô hạn, xua đi những khổ đau và cơn khát: “Nước mắt giàn giụa hòa cùng nước mưa. Cỏ sẽ hồi sinh. Lúa cũng sẽ hồi sinh”. Và mưa còn thấm nhuần ân huệ, sưởi ấm những trái tim đơn côi. Bài hát ấy đã tưới lên thi thể chàng Cá Bơn, người đàn ông suốt đời cầm tù trong phạm cá và dành trọn cuộc đời để sống bên những dòng sông, tôn thờ mẹ Cá và yêu tha thiết Huệ Anh “Chàng là một con cá. Chàng cần nước. Chàng nghĩ Huệ Anh cũng là một con cá”. Mưa lan đến cả hậu cung, làm tắt ngấm những dục vọng đang thiêu đốt trong trái tim Thần Tông trước vẻ đẹp Ngạn La “Mưa rơi mờ mịt Dâm Đàm...Mưa lạnh chanh nháy nhót trên hoàng bào của Thần Tông”. Sức mạnh hồi sinh của nước còn hiện hữu qua những giọt sữa – giọt sữa của dã nhân đã cứu sống Từ Lộ khi chàng hành cước đến núi Thập Vạn Đại Sơn “Chợt có một vài tia nước chảy tràn trên môi chàng. Từ há miệng đón. Một dòng nước mong manh, ấm nồng, nhàn nhạt ngọt, hơi gầy gầy như sữa mẹ, tiếp tục chảy khó nhọc vào miệng chàng”.

Trong tiểu thuyết *Lời nguyện hai trăm năm* của Khôi Vũ, nước hiện hữu qua hình tượng biển cả. Khi Hai Thìn trở lại làng biển, chính quyền và những con người nơi này dường như đều cô lập, quay lưng lại với anh. Cùng với con chim ó lửa, biển cả là người bạn gần gũi, thân thiết và biết lắng nghe, thấu hiểu những nỗi niềm. Đứng trước biển, anh không còn cảm thấy cô đơn bởi biển là tri kỷ, là người bạn tâm tình, là nơi yên bình trong cuộc sống bon chen và đầy toan tính “Vua biển nay lại về với biển. Về và sống chết với biển thôi”. Biển hiền hòa, nhân hậu, biết sẻ chia “Vua biển nhảy ùm xuống nước... Biển cả ôm lấy anh vui mừng”. Đồng thời, biển cả rộng lớn, bao dung, mang lại cho con người nguồn tài nguyên vô tận, hào phóng trước khát vọng của con người “Ta cho vua biển mẻ lưới này, cứ kéo thật nặng tay rồi nghỉ, sau đó đến tìm ta một nơi khác

nhé”. Nhưng một khi con người trở nên tham lam, đòi hỏi quá nhiều, biển lạnh lùng trừng phạt. Chi tiết này ta thấy giống với câu chuyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng* của anh em nhà Grimm. Lần thứ hai gặp lại Hai Thìn, biển không còn vồn vã như trước mà trở nên buồn bã “Mẹ biển quả trách ta sao quá hào phóng với anh. Ta nói rằng ta với anh là bạn. Nhưng mẹ biển vẫn giận ta...”. Và sự trừng phạt của biển cả dành cho con người cũng thật tàn khốc, khi con người phải trả giá bằng cả tính mạng của chính mình “Con sóng cao hàng chục thước, trắng xóa như một cuộn bông khổng lồ, cuộn tròn, ào ạt thịnh nộ”, trong đó có cả vua biển Hai Thìn.

Nước trong các tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương hiện hình với các dạng thức như sông, ao, đầm, mưa, sương... Ở đây, ý nghĩa của nước khá đa dạng: nước vừa là nguồn sống, vừa là nguồn chết; vừa là nơi tái sinh, vừa là nơi tiêu hủy. Sông Linh Nham rất thiêng, thường được miêu tả như ẩn chứa một tâm hồn vẹn tròn, lúc nào cũng ập đầy cảm xúc. Khi thì “rì ầm ai oán”, lúc lại “lầm li miết về xuôi”, “lầm li chuyển động”, một dòng sông khác thì “đục ngàu như mắt trâu điên”. Sông thiêng gọi ai là người ấy chết. Lúc khác, nước lại có những lúc mang sứ mệnh tái sinh, vỗ về. Nước hiện lên trong sáng như một sự gột rửa, thanh lọc cuộc đời lăm tai ương này. Dòng sông do vậy trở thành vị thần bảo hộ lẽ phải. Trong tiểu thuyết *Thoạt kỳ thủy* của Nguyễn Bình Phương, nước đã thể hiện cao nhất, rõ nhất sứ mệnh, sức mạnh vỗ về, an ủi, tái sinh sự sống cho vạn vật, muôn loài. Đây là một hình ảnh “dịu dàng” hiếm hoi của nước: “nước thông thả chảy... nước ngấm qua lông, chạm vào da khiến con cú tỉnh táo lạ thường. Nước mạn vuốt ve bụng nó”. Có lẽ nếu con cú rơi từ vòm lá sung xuống đất thì nó đã chết, nhưng lại là nước với sự mềm mại, thông thả đón nhận nó, khiến nó thấy khoan khoái lạ thường.

Trong *Dòng sông mía* của Đào Thắng, nước xuất hiện như một hình tượng đa nghĩa. Dòng sông Châu vừa mang lại nguồn sống cho con người, là nơi mưu sinh hằng ngày của lão Chép, cụ Lẹp – những con người khi sinh ra đã mang tên loài cá; vừa là chứng nhân cho bao thăng trầm, biến cố của người làng Thanh Khê. Nước thân tình, hào phóng, là nơi bắt đầu câu chuyện tình giữa Lẹp và cô Bé, là nơi nô đùa của những đứa trẻ nhà ông Quĩ Nhất thuở ấu thơ. Đến khi gia đình ông Quĩ Nhất gặp họa, rồi công cuộc cải cách ruộng đất diễn ra, dòng sông trở thành nơi để con người ta nương náu, xoa dịu nỗi đau trầm luân của kiếp người. Khi đối diện với bao mất mát và khủng hoảng, đỉnh điểm là việc con trai ngày càng lún sâu vào tội ác và đứa cháu nội lại là bào thai kỳ dị, bà Mến đã tìm đến nước như tìm đến sự giải thoát và cứu chuộc cho linh hồn của những con người lầm lỗi: “Nước sông dâng lên sáng đỏ như rẽ đường ra cho bà đi xuống. Một ánh chớp chói lòa, tia sét như đánh thẳng vào bà, lời chấp nhận sự cứu chuộc vĩnh cửu của bà”. Với bà cả Thuận, bị kịch của bà chính là đã có con với người đàn ông khác sau khi chồng mất. Và trong mắt dân làng, đó là một tội lỗi. Kể từ khi bí mật được tiết lộ, với mọi người, bà không còn là người phụ nữ đức hạnh, đảm đang, hết mình vì chồng vì con như trước mà trở thành người đàn bà xấu xa, lãng loàn. Chịu không nổi trước thành kiến của dư luận, đặc biệt là sau khi bị chính con dâu si nhục, bà cả Thuận phải tìm đến cái chết. Nơi bến Diễm, người đàn bà đau khổ đã dùng dòng nước để rửa sạch mọi tội lỗi, đau khổ và oán hờn. Bà gặp lại linh hồn bà Mến và “Bà

Mền vẫy tay. Hai bàn tay hình búp sen. Mặt sông sáng lung linh, nước rẽ ra cho bà Thuần bước xuống”.

Nhìn chung, hình tượng cổ mẫu nước ở tiểu thuyết Việt Nam hiện đại đã có sự kế thừa những ý nghĩa từ trong văn học dân gian, trong văn hóa, trong tâm thức của nhân loại. Đồng thời, với thể mạnh của thể loại, đặc biệt là khả năng bao quát và phản ánh hiện thực rộng lớn, tiểu thuyết trao cho cổ mẫu này cả một khoảng trời để vẫy vùng, để thể hiện những giá trị tự thân. Chính vì lẽ đó, cổ mẫu nước trong tiểu thuyết Việt Nam có sức sống rất riêng và đầy sáng tạo.

2.2. Cổ mẫu lửa – hủy diệt, mặc cảm và đam mê

Trong cuốn *Phê bình văn học thế kỷ XX*, nhà nghiên cứu Thụy Khuê đã giới thiệu những luận điểm cơ bản về phân tâm lửa của Gaston Bachelard, nhà phê bình phân tâm vật chất người Pháp. Ông coi lửa như một thực thể sống trong vô thức của con người và nó được bộc lộ ra ngoài dưới ba hình thức mặc cảm: “Mặc cảm Prométhée hay mặc cảm con muốn vượt cha; mặc cảm Empédocle hay mặc cảm tự thiêu, là mặc cảm mơ mộng, muốn nhập mình trong ngọn lửa thiêu hủy, ngọn lửa tiêu biểu của sự sống và cái chết; mặc cảm Novalis hay sự tìm về nguồn gốc của lửa: lửa là sản phẩm của tình yêu, của sự cọ xát thân thể, của đục tình” [5, tr.442].

Ở các nước trên thế giới, cổ mẫu lửa dung chứa nhiều ý nghĩa khác nhau. Rất nhiều quốc gia xem lửa gắn liền với cái thiêng, mang chức năng là tẩy uế và tái sinh. Theo *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*: “Việc bảo vệ lửa thiêng trải rộng từ La Mã đến Angkor. Biểu tượng lửa tẩy uế và tái sinh phân tích từ phương Tây đến Nhật Bản” [1, tr.545]. Theo truyền thuyết, chúa Kito và các thánh tái sinh cơ thể bằng cách đi qua lửa lò của xưởng rèn. Mặt khác, những người theo Đạo giáo bước vào lửa để tự giải phóng khỏi thân phận mà con người phải chịu đựng. Các vị vua ở Trung Quốc khi lên ngôi phải dùng lửa để tẩy uế thể hiện qua việc tắm và hun khói trong các nghi lễ. Đạo Bà la môn thì cho rằng, lửa còn có chức năng thử tội. Nếu ai đó có tội, lửa sẽ thiêu cháy họ và ngược lại. Điều này chúng ta bắt gặp trong sử thi *Ramabrahata* của Ấn Độ, sau khi giải cứu vợ khỏi nanh vuốt của quỷ Havana, Rama trở nên ghen tuông và Sita buộc phải lên giàn thiêu để chứng tỏ sự trinh bạch của mình. Sự tẩy uế của lửa và nước, về cơ bản là giống nhau khi cùng hướng đến sự gột rửa và trong sạch hóa đối tượng, nhưng khác nhau về phương thức: “lửa tượng trưng cho sự tẩy uế bằng sự thấu hiểu, bằng ánh sáng và chân lý, đạt đến trạng thái thông tuệ siêu việt nhất; còn nước tượng trưng cho sự thanh tẩy dục vọng, hướng tới dạng thức cao thượng nhất, đó là lòng nhân từ” [1, tr.548].

Trong tâm thức của người Việt, cùng với nước thì lửa cũng hiện hữu như một phần không thể thiếu của đời sống vật chất và tinh thần. Việc thờ ông táo cho thấy, người xưa rất coi trọng bếp núc, giữ ấm cho bếp chính là giữ hạnh phúc và sự may mắn cho gia đình.

Kế thừa những giá trị biểu đạt từ truyền thống, cổ mẫu lửa xuất hiện trong các tác phẩm tiểu thuyết Việt Nam đương đại với tư cách là hình tượng nghệ thuật đa nghĩa và có đời sống tự thân vô cùng sinh động. Trước hết, lửa hiện diện trong các tác phẩm với ý nghĩa biểu đạt cho sự hủy diệt. Trong *Giàn thiêu* của Võ Thị Hảo, mở đầu tác phẩm là cảnh

giàn thiêu như chảo lửa đỏ rực trên đảo Âm Hồn và 49 cung nữ trong những chiếc áo choàng màu đỏ tía. Qua các trang viết của Võ Thị Hảo, lửa hung bạo đến ghê rợn: “Lửa lập tức bùng lên. Những lưỡi đỏ khổng lồ thềm khát rần rật liếm giàn thiêu. Sạn đạo cũng bùng cháy như một con giao long khổng lồ quần quai há cái miệng ngùn ngụt lửa đỏ mà nuốt trọn đảo Âm Hồn”. Kết thúc tác phẩm là khung cảnh giàn thiêu của mười năm sau đó, cũng tại đảo Âm Hồn, 29 cung nữ bị thiêu chết để linh hồn đi theo hầu hạ vua Lý Thần Tông. Ngọn lửa vẫn hung tàn và man dại, hủy diệt không thương tiếc những người cung nữ yếu đuối và xấu số kia: “Lửa lập tức bùng lên, nuốt chửng toàn thân người cung nữ đang quờ quạng tuyệt vọng trong lớp khói đen đặc”. Trong tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương, lửa sưởi ấm con người nhưng cũng có sức hủy diệt ghê rợn. Khi lửa quá nóng, nó đã đốt cháy nhà Hiên, giết chết bố Hiên trong *Thoạt kỳ thủy*. Nhưng khi lửa tàn thì nó ám ảnh con người ta tựa như một lời nguyền chết chóc của nhân vật Đông Điền trong *Vào cõi* “Lửa sắp tắt, nhà lão sẽ tối và lạnh đầu tiên. Nhớ bu bảo đây, nhớ đây!”. Trong *Đức Phật, nàng Savitri và Tôi* của Hồ Anh Thái, lửa là nỗi sợ kinh hoàng khi thiêu sống các bà vợ của vị tiểu vương, dẫu họ yêu chồng, muốn hầu hạ chồng nhưng họ không cam tâm hiến mình cho ngọn lửa hung bạo – “Lửa đã bùng lên riêng ở chỗ vương sàng. Đám đông ò lên nức nở than khóc”. Savitri châm lửa đốt cháy nhà đạo sư để vạch trần, trừng phạt những tội ác mà ông đã gây ra “Lửa bắt đầu bén dần dà trên bàn thờ. Chỉ trong vài phút nữa nó sẽ lan khắp bàn thờ, thiêu cháy cả điện thờ”. Trong *Tàn đen đóm đỏ* của Phạm Ngọc Tiến, lửa thể hiện sức mạnh hủy diệt tàn khốc của chiến tranh. Lửa mang lại cho Vĩnh sự hoảng loạn, đau đớn đến tận cùng. Người lính đào ngũ trở nên bất lực trước sự thiêu đốt tàn bạo của ngọn lửa chiến tranh, thiêu đốt mọi hy vọng được trở về, được thứ tha “Lửa từ đám mây phun ra tưới đầm mặt đất. Gã cuống cuống. Lửa ngụt bốn phía không còn đường nào chạy. Gã tấp mặt xuống đất. Đến cả đất cũng có lửa phun. Lửa chạy vào trong thân cây, cháy ngụt. Nóng quá. Rát quá. Chết mất, chắc chắn chết. Hang dơi ở đâu lại ngòm ngòm hiện ra. Cả nó nữa, cũng đầy một miệng lửa”.

Lửa vốn gắn với nhiệt huyết và đam mê nên lửa còn biểu hiện cho khát vọng tình yêu và cả những dục vọng tầm thường. Trong *Giàn thiêu*, đó là ngọn lửa tình được nhen nhóm giữa Nhuệ Anh và Từ Lộ. Kể từ khi gặp gỡ và đính ước, Từ Lộ ngày đêm thương nhớ Nhuệ Anh đến quên ăn quên ngủ. Hình ảnh ngọn lửa, chiếc đèn lồng lập lánh gương mặt mỹ nhân chiếm hết tâm trí Từ. Cho đến khi trở thành thiền sư, trong tâm hồn Từ Đạo Hạnh luôn thường trực những khát khao về cái đêm ân ái cũng Nhuệ Anh bên sông Gâm. Ngọn lửa ấy đã thiêu đốt trái tim vị thiền sư còn lưu luyến hạnh phúc trần tục: “Nhuệ Anh! Ta đã hại một đời nàng. Nhưng trong dằng dặc những năm lưu lạc của hai ta, có bao giờ nàng nhớ, cái ngọn lửa ái ân nàng đã nhen lên trong ta trên bến đá sông Gâm? Ngọn lửa đó thiêu đốt ta”. Và ở hậu kiếp, một sư bà động Trâm già nua, khô hạnh vẫn khiến nhà vua phải lưu luyến, băng khuâng bởi những ân tình ngày cũ: “Ngọn lửa từ kiếp trước vẫn cháy trong tim chàng khiến chàng không thể rời xa ta”. Trong *Ngôi* của Nguyễn Bình Phương, chứng kiến đôi nam nữ làm tình dưới bóng cây bàng lẳng giữa đêm tối, những khát khao về nhục cảm lại đốt cháy tâm hồn Khấn, hành hạ Khấn. Ngọn lửa ấy thiêu rụi trái tim Khấn với nỗi nhớ về Kim và để lại một khoảng

trống vô hình như tiếng vó ngựa vọng ra từ thân thể Khản “Ngựa đang nóng rực lên, bốn vó khét lẹt, đôi mắt tan chảy sáng sánh không phân biệt được trông và đồng tử. Miệng ngựa há to, những luồng lửa cuộn cuộn phun ra giống như những đám mây xô dạt trong bão tố”. Cũng trong tác phẩm *Ngôi*, cuộc giao hoan giữa Nghĩa và Thúy trên chiếc xe đạp nước được bắt đầu bằng sự mon trón, ve vuốt khi bàn tay Nghĩa lần dò khám phá thân thể Thúy. Sự khát khao của người đàn bà cô đơn, hằng hụt vì lâu ngày sống xa chồng khiến Thúy bất chấp tiết hạnh, tự cho phép mình buông lơi, đắm mình trong hoan lạc cùng gã đàn ông mới quen. Năm ngón tay của Nghĩa hóa thành năm ngọn lửa, đốt nóng thân thể và tâm hồn người đàn bà khát tình- “Năm ngọn lửa bắt đầu thiêu đốt ngực Thúy nhưng không làm Thúy đau. Lửa từ từ chuyển xuống phía dưới. Nhưng lửa đã bị chặn lại bằng một động tác khép chân đây ý tứ”.

Bên cạnh đó, lửa còn chứa đựng trong nó lòng hận thù và thói hờn ghen, đố kỵ. Trong *Giàn thiêu*, ngoài ngọn lửa tình thì trong trái tim của Từ Lộ còn hiện hữu một ngọn lửa khác, đó là ngọn lửa hận thù, ngọn lửa ấy đã dập tắt ngọn lửa tình vừa cháy đượm với Nhuệ Anh. Vì mối thù với Đại Điền, Từ Lộ đã từ bỏ hoài bão, tình yêu tuổi trẻ: “Nhưng trong lòng Từ Lộ đã lại cháy rần rật một ngọn lửa khác. Cái ngọn lửa đã giằng chàng ra khỏi kinh thành và hun đốt chàng chạy tới sông Gâm”. Dù yêu Từ tha thiết và sẵn sàng bỏ tất cả để theo Từ, nhưng Nhuệ Anh đã cay đắng nhận ra rằng, trong mắt của Từ không còn hình bóng của người yêu mà thay vào đó là ánh nhìn bị thiêu đốt bởi lòng thù hận: “Khi trong mắt chàng đỏ đượm ngọn lửa báo thù thưở chàng không còn là Từ Lộ, trong mắt chàng không có ta”. Bản thân Từ cũng nhận ra, ngọn lửa ấy có sức hủy diệt khủng khiếp thế nào, khi cả tiền kiếp và hậu kiếp Từ phải đi tìm những gì mình đánh mất trong vô vọng, trong đau khổ: “Ta đã trở thành một kẻ khác, suốt đời kiếm củi để nuôi những ngọn lửa không phải để cho cõi trần này. Ngọn lửa đó đã thiêu đốt cả đời ta”.

So với cổ mẫu nước thì cổ mẫu lửa xuất hiện trong các tác phẩm tiểu thuyết Việt Nam đương đại có phần khiêm tốn hơn, nhưng không vì vậy mà những giá trị biểu đạt ở lửa kém đi sự đa dạng. Việc song hành tồn tại cả hai hình tượng nước và lửa trong các tác phẩm văn học đương đại cho thấy sự tái sinh của các cổ mẫu từ huyền thoại, ẩn tượng và sáng tạo hơn.

3. KẾT LUẬN

Có thể thấy, nước và lửa là hai hình tượng đầy ám ảnh trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại, đảm nhận nhiều ý nghĩa và vai trò nhất định. Nó vừa hiện hữu trong đời sống thực, vừa chi phối đời sống tâm linh; vừa hữu hình, vừa vô hình; vừa biểu đạt nhiều ý nghĩa vừa gắn liền với các trạng thái vô thức của nhân vật. Vì thế, bên cạnh những ý nghĩa kế thừa từ huyền thoại trong quá khứ, cổ mẫu lửa và nước còn thể hiện những giá trị tự thân và lan tỏa sức sống mãnh liệt của riêng mình. Thông qua tư duy huyền thoại hóa, các cổ mẫu nước và lửa đã gọi lên cả trường liên tưởng, tham gia vào quá trình thúc đẩy sự phát triển của tuyến truyện và tạo nên tính hình tượng mới mẻ, đầy cuốn hút cho các tác phẩm. Sử dụng cổ mẫu, các tác phẩm đi vào khai thác đời sống tâm linh và nỗ lực khám phá, phát hiện các năng lực bí ẩn cũng như những biểu hiện của nó. Việc vận dụng các cổ mẫu với những ý nghĩa phổ quát vốn tồn tại trong tiềm

thức của nhân loại, trong tâm thức cộng đồng là một trong những lối đi riêng của các nhà văn trên con đường sáng tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chevalier, J. (2002). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Phạm Vĩnh Cư dịch, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [2] Jung, C.G. (1981). *The Archetypes and The Collective Unconscious* (Collected Works of C.G. Jung Vol.9 Part 1), R.F.C. Hull translate, Bollingen Series XX, Princeton.
- [3] Nguyễn Quang Huy (2014). Đọc “*Giàn thieu*” của Võ Thị Hảo – người chơi với lửa, <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p75/c148/n17426/Doc-Gian-thieu-cua-Vo-Thi-Hao-choi-voi-nguoi-choi-lua.html>, truy cập ngày 17/8/2018.
- [4] Lưu Hồng Khanh (2006). *Tâm lý học chuyên sâu ý thức và những tầng sâu vô thức*, NXB Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] Thụy Khuê (2017). *Phê bình văn học thế kỷ XX*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [6] Lotman, I.U.M. (2015). *Kí hiệu học văn hóa*, (người dịch: Lã Nguyên – Đỗ Hải Phong–Trần Đình Sử), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Nhiều tác giả (2004). *Từ điển văn học* (bộ mới), NXB Thế giới, thành phố Hồ Chí Minh.
- [8] Nhiều tác giả (2007). *Huyền thoại và văn học*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [9] Đỗ Lai Thúy (chủ biên) (2000). *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

Title: THE ESSENCE OF MYSTIFICATION OF WATER AND FIRE ARCHETYPE IN SOME VIETNAMESE NOVELS SINCE 1986

Abstract: For prose, novels are considered the dominant genre, which take advantage of reflecting the fundamental issues of social life and human destiny. In the flow of contemporary Vietnamese prose, the novels after 1986, undertook an important mission of renewing novel thought. From C.Jung’s psychoanalytic theory, archetypes have been used as an effective means of art to help readers access more vivid and fresh realities. Especial, from the essence of mystification, the archetypes are presented as the characters, the symbolic arts of multiple meanings throughout the works. In this article, we research the essence of mystification of water and fire archetype in some Vietnamese novels since 1986.

Keywords: The essence of mystification, Vietnamese novels, archetype.